

## NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ SỰ DI ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI: BIẾN ĐỔI PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở TRIỀU TIÊN\*

CHONG PIL CHOE\*\*

### I. LỜI MỞ ĐẦU

Triều Tiên truyền thống là một xã hội hoàn toàn dựa trên học thuyết Nho giáo. Hệ thống xã hội - văn hóa được duy trì chủ yếu bởi các chuẩn mực giá trị Nho giáo và tạo ra sự phân tầng xã hội chặt chẽ. Chỉ "yangban" - những người thuộc tầng lớp quý tộc - mới có thể trở thành quan lại, tạo nên một nhóm đồng nhất trong tầng lớp thống trị. Hệ thống xã hội - văn hóa, tuy nhiên, đã thay đổi suốt hàng trăm năm qua do hiện đại hóa và công nghiệp hóa.

Bài báo khảo sát sự phân tầng xã hội của xã hội Triều Tiên truyền thống và cố gắng chỉ ra các quá trình biến đổi nhanh của sự phân tầng. Tôi cũng khẳng định quan điểm rằng hệ thống văn hóa - xã hội là sự ứng xử có học vấn, là một phương tiện thích nghi bên ngoài của con người đối với môi trường đang thay đổi (White, 1954; Binford, 1968).

### II. HỆ THỐNG PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở TRIỀU TIÊN TRUYỀN THỐNG

Hệ thống quan lại của triều đại Vi (1392-1910 sau Công nguyên) đã coi "yangban" (quý tộc) là giai cấp thống trị, kế đó đến giai cấp trí thức học giả, sau đó là nông dân, rồi thương nhân, cuối cùng là những người đầy tớ và những kẻ lừa đảo (Lee, 1956). Do đó chúng ta có thể sơ bộ phân loại hệ thống xã hội thành bốn giai cấp.

1) "Tangban" là tầng lớp quý tộc mà từ đó chế độ quan lại được bổ sung. Tầng lớp quý tộc tìm hiểu hệ tư tưởng Nho giáo qua việc nghiên cứu các tác phẩm cổ điển Trung Quốc về triết học, thơ ca, văn xuôi và lối viết, nhưng với các mục đích không chuyên thay vì chuyên nghiệp. Họ không phải tham gia lao động chân tay như sản xuất hàng hóa hoặc trồng trọt, mà phục vụ như những nhà lãnh đạo trí óc của xã hội, nhằm đạt được một chức sắc cao trong chính quyền. Sự giàu có trong tầng lớp yangban có được phần lớn do đất đai và nô lệ. Đất đai là nguồn sản sinh ra thóc lúa, còn nô lệ là nguồn lao động thủ công thường trở thành nguyên nhân xung đột trong tầng lớp này. Thời hạn đương chức là phương tiện để nâng cao uy tín và quyền lực. Cũng cần phải lưu ý rằng yangban không được phép kết hôn với những giai cấp khác.

2) "Chung-in" còn gọi là giai cấp trung lưu xếp giữa tầng lớp quý tộc và những người thuộc tầng lớp bình dân, chiếm số ít trong xã hội, và giai cấp này được đào tạo để phục vụ chuyên nghiệp. Giai cấp trung gian này bao gồm những người làm việc trong các ngành như y tế, thiên văn, kế toán, luật pháp, bói đất và phiên dịch. Hầu hết những người thuộc giai cấp này sống tại các thành phố lớn. Hoạt động sống hàng ngày của họ liên quan đến cả quý tộc lẫn bình dân và vì thế họ tạo nên giai cấp trung lưu của xã hội.

3) "Sang-in" hoặc tầng lớp thường dân t'hiên đa số; với bổn phận là sản xuất lương thực, giặc ngoại xâm. Ngoài ra, họ còn phải cống nạp và lao động khổ sai trong giai cấp này có nông dân thương nhân và thợ thủ công tự do như một số người buộc phải phục vụ như thợ thủ công nô lệ. Những hoạt động buôn bán, do bị coi thường bởi những chuẩn mực của Nho giáo, được đặt dưới sự kiểm soát.

4) "Chon-in" là một đẳng cấp riêng biệt thuộc giai cấp cùng đinh. Giai cấp này gồm đầy tớ, những kẻ lừa đảo và những người làm nghề sát sinh. Trong số này, đầy tớ hầu như là nô lệ, bị quan lại và hoàng tộc chiếm dụng. Vài người trong số họ được phép trồng trọt hoặc tham gia sản xuất những hàng hóa cần thiết và do đó có trách nhiệm cống nạp vì địa vị không lệ thuộc của họ. Loại này có địa vị nông nô nhưng thực hiện những nhiệm

\*. Ở đây hiểu là Nam lách 1 lên (BIA).

\*\* . Giáo sư, Khoa Lịch sử Trường Đại học Tổng hợp King Sejong, Triều Tiên.

vụ của thường dân. Theo nguyên tắc, đây tớ bị coi là nửa tài sản, nửa con người khi bị mua bán, tuy nhiên cuộc sống của họ được luật pháp nhà nước bảo vệ và thường được hoàng tộc và tầng lớp quý tộc bảo trợ. Trong thừa kế tài sản, việc phân chia bình đẳng đất đai và nô lệ giữa con trai (đôi khi cả con gái) là một phong tục thông thường, nhưng ý muốn của cha mẹ được xem là tối cao. (Người con cả sẽ nhận phần ít hơn vì họ đã có quyền là người đứng đầu gia đình). Đàng thừa kế đồng đều có ảnh hưởng mạnh trong đời sống của tầng lớp quý tộc, sự kiệt quệ dần dần của tầng lớp quý tộc gắn liền với những thực tế của thừa kế tài sản.

Sự phân tầng xã hội đã miêu tả ở trên được duy trì suốt triều đại Yi. Nhưng đến cuối triều đại này, số ít người bắt đầu tích lũy của cải, và cùng với của cải là uy tín, quyền lực và địa vị được nâng cao. Do đó, có thể nói rằng, sau uy tín, của cải được xem như một tiêu chuẩn phân tầng (Malinowski, 1920).

Điều đáng quan tâm là thợ thủ công bị loại khỏi chung-in (giai cấp trung lưu học giả). Tôi tin rằng đó là vì định hướng học thức của giai cấp chung-in trái ngược với thợ thủ công. Học giả được kính trọng hơn thợ thủ công theo các chuẩn mực và giá trị của Nho giáo.

### **III. SỰ CHUYỂN ĐỔI CỦA XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG**

Sự chuyển biến Triều Tiên truyền thống sang một dân tộc hiện đại diễn ra rất chậm chạp.

Khái niệm hiện đại hóa vào buổi đầu ở Triều Tiên không đồng nghĩa với phương Tây hóa hoặc công nghiệp hóa (Lee, 1989). Phương Tây hóa nói đến quá trình tiếp thu nền văn hóa phương Tây theo ý nghĩa rộng nhất. Hiện đại hóa là một quá trình nói chung không nhất thiết bao hàm với sự đồng hóa văn hóa phương Tây. Các nước phương Tây tạo ra một mô hình có sẵn để cho vay, mặc dù sự vay mượn như vậy chắc chắn thường đòi hỏi những biến thái khác nhau. Công nghiệp hóa là một khái niệm hẹp hơn hiện đại hóa và chủ yếu liên quan tới quá trình một dân tộc tiếp thu công nghệ.

Hiện đại hóa trực tiếp liên quan đến nhiều vấn đề. Bằng chứng hiển nhiên nhất của những vấn đề này là sự tiến hóa văn hóa - xã hội. Theo nghĩa rộng nhất, hiện đại hóa là việc sử dụng ưu thế hơn các nguồn năng lượng vô sinh được đổi thành năng lực sản xuất (White, 1945). Do đó hiện đại hóa có thể được quan niệm như giai đoạn cuối cùng trong sự phát triển văn hóa.

#### **1. Giai đoạn đầu hiện đại hóa.**

So với Trung Quốc và Nhật Bản, hiện đại hóa xã hội Triều Tiên truyền thống đến tương đối muộn. Hầu như trong suốt thời đại lịch sử, Triều Tiên đã tồn tại như một vương quốc vệ tinh. Vào thế kỷ XIX sự đặt chân của quyền lực phương Tây đã buộc Triều Tiên phải đối mặt với những thách thức đế quốc chủ nghĩa của các nước tư bản phát triển, vào thời điểm mà nó không sẵn sàng có một sự thay đổi chủ yếu ở bên trong (Lee, 1989). Đồng thời, cuộc nổi dậy cách mạng của quân đội nông dân Dong Hak đã phản ánh nỗi sợ hãi về ảnh hưởng ngày càng tăng của các nước đế quốc và ước muốn của nhân dân thuộc các giai cấp thấp vì một xã hội bình đẳng.

Mặc dù phong trào tự nó thất bại, nhưng những cải cách ở cuối thế kỷ XIX đã chứng kiến một sự biến chuyển xã hội và kinh tế. Sự kiệt quệ chung của tầng lớp quý tộc cùng với sự xuất hiện của những thương nhân giàu có góp phần tạo nên sự suy giảm của xã hội quý tộc yangban. Những khó khăn về tài chính đã buộc chính phủ phải thực hiện những cải cách thuế liên tục và bán các tước vị. Sự di động xã hội lên trên hầu như không được biết đến trước thế kỷ XIX, dần dần đạt được vị trí ổn định. Những thương nhân giàu đạt được địa vị quý tộc yangban và một số nô lệ cũng có thể mua được tự do của họ. Tính chính thống của thuyết Không Tử mới bị xói mòn do sự xuất hiện của tinh thần phê phán, đã tạo ra sự ngờ vực của tầng lớp quý tộc. Do đó, theo một cách nào đó, những phong trào cải cách ở Triều Tiên phát triển vào cuối thế kỷ XIX đã đón như một nhu cầu bên trong để xây dựng một xã hội dân sự mới.

Dáng tiếc là những xung đột đế quốc tăng lên, sự chống cự dai dẳng của những người theo chủ nghĩa truyền thống, sự lãnh đạm và thờ ơ nhất định của đa số nhân dân là trách nhiệm cho sự chiếm dụng Triều Tiên làm

thuộc địa của Nhật Bản vào đầu thế kỷ XX. Sự xâm chiếm của Nhật Bản đã tạo ra một ảnh hưởng to lớn trong xã hội Triều Tiên truyền thống. Hệ thống quý tộc chính thức bị Nhật Bản hủy bỏ và một giai cấp mới xuất hiện. Giai cấp mới thay thế tầng lớp quý tộc gồm một bộ máy quan liêu quân sự chiếm ưu thế ở khắp Triều Tiên. Hiên nhiên, nhiều thương nhân giàu có và nô lệ bị tầng lớp quý tộc kết hợp với giai cấp mới xuất hiện bóc lột, vẫn còn tồn tại một ý thức trong phần đông người Triều Tiên về một ranh giới rõ rệt giữa những người quý tộc mới nổi lên trong chốc lát với những quý tộc có lịch sử gia đình được kính trọng lâu đời. Chính những ý nghĩa lịch sử này đã ban cho nhóm quý tộc truyền thống uy tín và cơ sở hợp lý cho địa vị trước đây của họ. Lòng tự hào của họ xuất phát từ một thực tế là một địa vị như vậy không thể đạt được bằng quyền lực hay sự giàu có.

Nói chung, trong giai đoạn hiện đại, cả quyền lực và sự giàu có ít nhiều có giá trị ngang nhau trong hệ thống phân tầng. Nông dân, thợ thủ công và tiểu thương không có quyền lực, uy tín lẫn của cải vẫn còn ở dưới đáy của cơ cấu đẳng cấp. Những người làm nghề sát sinh và những kẻ lừa đảo vẫn còn ở ngoài lề các đẳng cấp xã hội, được tự do và bảo đảm về mặt luật pháp bình đẳng với những người Triều Tiên bình thường, nhưng họ vẫn bị coi khinh và phân biệt về mặt xã hội.

## 2. Những thay đổi sau chiến tranh.

Tính liên tục và sự biến đổi là hai bằng chứng hiển nhiên trong toàn bộ bức tranh về cơ cấu phân tầng từ chiến tranh thế giới thứ hai. Chủ nghĩa quân sự và bộ máy quan liêu ủng hộ Nhật Bản như những nguồn gốc quy định và những con đường đạt đến sự thành công đã hầu như hoàn toàn biến mất. Thay vào đó, bộ máy quan liêu mới và chủ nghĩa tư bản đã hình thành một sự phân tầng xã hội mới cao hơn.

Một con đường khác để đi tới sự thành công đã phát triển trong thời kỳ hậu chiến, như nền giáo dục chính thức, đặc biệt ở cấp cao đẳng là một tiêu chuẩn quan trọng để làm việc trong các cơ quan chính phủ và cơ sở buôn bán tư nhân. Dĩ nhiên, việc học hành đòi hỏi những nguồn tài chính, và rõ ràng con cái của những gia đình giàu sẽ có những thuận lợi. Nhưng dần dần, những người ở địa vị ít đặc quyền cũng có được học vấn cao đẳng với số lượng ngày càng lớn.

Đồng thời, một số vị trí đòi hỏi học vấn sau đại học, cả trong khu vực công cộng và tư nhân đã tăng lên, mở ra những con đường thành đạt xa hơn đối với các giai cấp trung lưu và thấp hơn. Trong khi gia đình hoàng tộc vẫn còn được trọng vọng thì tầng lớp quý tộc bị hủy bỏ về luật pháp. Cũng vậy, sự phân biệt về mặt luật pháp giữa con cháu của tầng lớp quý tộc và con cháu của tầng lớp bình dân đã bị loại bỏ. Tuy nhiên, sự hủy bỏ về mặt luật pháp như vậy không hoàn toàn loại bỏ ý thức phân biệt giai cấp giữa các nhóm. Tầng lớp quý tộc trước đây vẫn tự hợp với nhau và cố gắng tìm bản sắc riêng của mình trong uy tín, mặc dù nhiều người trong số họ phải chịu đau khổ về sự suy giảm kinh tế. Họ vẫn duy trì một tổ chức liên kết chặt chẽ dựa trên các nhóm hộ hàng riêng và không dễ dàng để người ngoài vào. Tầng lớp này thích kết hôn trong các nhóm riêng của họ. Những nhà sản xuất công nghiệp gần đây, đặc biệt là những người mới phát sau chiến tranh, vẫn thấp hơn rõ rệt so với bộ phận tinh hoa của xã hội, dù họ đã tích lũy được của cải. Do đó, những người mới phát thích che giấu nguồn gốc thực của họ và làm những cuốn gia phả dối trá để chứng tỏ con cháu họ là dòng dõi quý tộc.

Điều quan trọng ở đây là sự giàu có do công nghiệp hóa đã không thay đổi những giá trị truyền thống của người Triều Tiên. Dù hệ thống công nghệ - kinh tế mới đã góp phần tạo nên sự biến đổi của xã hội Triều Tiên, giá thiết của White rằng hệ tư tưởng hoặc hệ thống giá trị được quyết định bởi hệ thống công nghệ - kinh tế bị bác bỏ trong trường hợp xã hội Triều Tiên.

## IV. GIAI CẤP TRUNG LƯU

Mặc cho một vài cuộc tranh luận về liệu có hay không có một giai cấp trung lưu thực sự ở Triều Tiên (Han, 1989), sự xuất hiện giai cấp trung lưu là một sản phẩm khác của công nghiệp hóa sau chiến tranh. Những người làm công ăn lương thuộc giai cấp trung lưu có cách sống khác biệt với những người ở đô thị khác (Han Kook II Bo, 1988). Họ thường là những công chức sống trong những căn hộ riêng và có mô riêng.

Do công nghiệp hóa nhanh chóng ở Triều Tiên, các cơ quan chính phủ, hệ thống trường học và các tổ chức

công nghiệp đã mở rộng ghê gớm cùng với sự tăng lên mạnh mẽ nhu cầu về quan chức, giáo viên, đốc công. Nghề công chức đang trở thành nghề dành riêng cho những người 'tốt nghiệp' cao đẳng. Tuy nhiên hiện nay đa số công chức chỉ tốt nghiệp phổ thông, đặc biệt ở các xí nghiệp trung bình và nhỏ. Cũng có dấu hiệu chỉ ra rằng có quá nhiều sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, và vì vậy một số người buộc phải nhận những việc chỉ đòi hỏi học vấn phổ thông.

Công chức hiện nay có khuynh hướng tương đối trẻ, do sự tăng lên nhanh chóng số nghề công chức trong những năm gần đây do những người tốt nghiệp cao đẳng đảm nhiệm. Điều quan trọng đối với số viên chức này là họ có uy tín cao và địa vị đáng mong muốn nhất, là mục tiêu có thể đạt được cho hầu hết thanh niên Triều Tiên đang chuẩn bị bước vào nghề. Đa số viên chức trung lưu dùng thời gian nghỉ của mình làm việc xa nhà và có khuynh hướng đứng ngoài các hoạt động xã hội ở địa phương, còn những người vợ của họ thường ở nhà đảm nhiệm việc gian tiếp xã hội. Sự liên kết những người vợ với nhau được bắt đầu khá phổ biến do tình bạn giữa con cái họ. Những người sống trong căn hộ riêng biệt có khuynh hướng "hiện đại" hơn những người ở những khu vực khác cũ hơn của thành phố. Họ thích kỷ niệm sinh nhật, giáng sinh, liên hoan ngày cưới... hơn là giỗ chạp và tham mộ tổ tiên. Do đó, sự xuất hiện của giai cấp trung lưu mới có tác dụng thay đổi rõ ràng những mô hình văn hóa truyền thống của Triều Tiên.

## V. SỰ NGHÈO KHỔ

Như hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa khác, xã hội Triều Tiên hiện đại cũng tạo ra một "nền văn hóa của sự nghèo khổ" như là kết quả của công nghiệp hóa. Khó mà có thể tính được tỷ lệ dân số thuộc nền văn hóa nghèo khổ ở Triều Tiên, nhưng có hơn nửa triệu người ở khu trung tâm của Săm tin rằng họ đang sống ở dưới đáy xã hội. Theo báo cáo của chính quyền thành phố Seun, số người nghèo này sống rải rác ở hơn một trăm quận và 77% sống trong những khu ổ chuột bất hợp pháp.

Cuộc sống gia đình theo nghĩa cả hai vợ chồng dưới một mái nhà cùng với con cái không phải là phổ biến. Nhiều người trong số họ sống cô độc, mặc dù trong quá khứ đã kết hôn. Vài người trong số này đã kết hôn hợp pháp nhưng vì lý do này hay khác mà không muốn có cuộc sống hôn nhân. Họ giải thích sự thất bại không phải là sai lầm riêng của mình mà do hệ thống xã hội bất bình đẳng. Thái độ của họ đối với chính phủ Triều Tiên rất tiêu cực, do cảm giác mạnh mẽ rằng họ là những nạn nhân của hệ thống xã hội.

Về mặt kinh tế, văn hóa của sự nghèo khổ được đánh dấu bằng cuộc đấu tranh liên tục để tồn tại, thu nhập gia đình giảm phản ánh tình trạng thất nghiệp hoặc nửa thất nghiệp, lương thấp nghĩa là nghề nghiệp không đòi hỏi kỹ năng hoặc không chuyên môn hóa, và một kiểu tiêu xài tự do khi trong tay chỉ có chút tiền.

Một vài đặc tính tâm lý xã hội của nền văn hóa này thể hiện ở những khu phố sống đông đúc thiếu sự riêng biệt, sống thành tập thể, tỷ lệ ng-hiện rượu cao, sử dụng bạo lực thường xuyên, ngược đãi vợ con, ly hôn... Tuy vậy, nền văn hóa của sự nghèo khổ cũng bao gồm những đặc điểm tâm lý mong được đền bù, ví dụ, khả năng tự phát và mạo hiểm, ham thích thú vui xác thịt và đam mê sự bốc đồng...

Chúng tôi không có được sự miêu tả đầy đủ nền văn hóa của sự nghèo khổ ở Triều Tiên, mặc dù có rất nhiều báo cáo, chủ yếu là các báo cáo xã hội học, mô tả về vấn đề này. Nạn thất nghiệp và nửa thất nghiệp là những đặc điểm của Triều Tiên. Ý thức tuyệt vọng và thái độ định mệnh - đặc trưng của nền văn hóa nghèo khổ - cũng có thể thấy ở đất nước này. Nền văn hóa nghèo khổ dường như còn phụ thuộc vào hệ thống giá trị của giai cấp thống trị nhấn mạnh vào sự tích lũy làm giàu, vào tính tiết kiệm như một lý tưởng và coi nghèo đói là kết quả của sự thấp kém về nhân cách.

## VI GIÁO DỤC VÀ BIẾN ĐỔI XÃ HỘI

Việc mở mang hệ thống giáo dục sau chiến tranh là yếu tố chính để tìm hiểu các quá trình di động xã hội. Dù thuộc tầng lớp xã hội nào hoặc trải qua cách sống nào, học vấn là ước muốn quan trọng nhất ở Triều Tiên. Ở Triều Tiên, không có một thuyết chống trí thức mạnh mẽ, hoặc thái độ coi thường học vấn, như đã thấy ở Mỹ hoặc Canada trong số những giai cấp thấp và ở những vùng nông thôn xa xôi. Học vấn, đặc biệt là cấp cao đẳng, là một mục tiêu đáng mong muốn cho con trai, mặc dù thực tế hiện nay những người tốt nghiệp ở các trường cao đẳng nhỏ và không có danh tiếng tìm được việc không dễ dàng chút nào so với những người tốt

nghiệp ở các trường phổ thông vì sự gia tăng mạnh mẽ của số lượng trường cao đẳng và những người tốt nghiệp cao đẳng.

Từ giai đoạn đầu thời hậu chiến, các thiết chế giáo dục chính thức đã lan rộng khắp nước.

Sự gia tăng nhanh chóng trong một giai đoạn ngắn như vậy về số lượng trường không phải do chính sách của chính phủ mà vì nhu cầu xã hội. Trước chiến tranh, các giai cấp thấp không có cơ hội học vấn. Vì vậy, mong muốn của họ đối với học vấn được biểu hiện mạnh mẽ qua các thế hệ tiếp sau. Có một ý thức chung trong thế hệ người già là nghề nghiệp của họ không thành công do trình độ học vấn thấp của họ. Những người Triều Tiên ở các giai cấp thấp nhìn chung tin rằng học vấn cao hơn là con đường duy nhất dẫn đến địa vị cao. Quan niệm này đã thúc đẩy các bậc cha mẹ gửi con trai họ đến trường đại học: hy sinh bản thân mình và làm việc cực nhọc vì sự giáo dục con cái.

Trong giai đoạn trước chiến tranh, giáo dục đại học chỉ dành cho một số ít sinh viên có chất lượng tốt, còn đông đảo quần chúng bị loại ra. Điều này được thấy ở hệ thống giáo dục trung cấp phân chia rõ ràng thành nghiên cứu và kỹ thuật. Các trường nghiên cứu trung cấp là sự chuẩn bị cho giáo dục đại học, còn các trường cung cấp kỹ thuật (thương nghiệp và cơ khí) là điểm kết thúc cho hầu hết sinh viên, chỉ rất ít người tiếp tục theo các trường đại học kỹ thuật. Một ranh giới quan trọng khác trước chiến tranh ở Triều Tiên xuất hiện giữa giáo dục cho con trai và con gái bắt đầu từ trường phổ thông cơ sở. Để duy trì địa vị xã hội thấp kém của phụ nữ, giáo dục trong các trường nữ nói chung có chất lượng thấp hơn giáo dục trong các trường nam, và rất ít nữ sinh học vượt quá phổ thông trung học. Giáo dục đại học chỉ dành cho một số rất nhỏ các nữ sinh.

Nền giáo dục sau chiến tranh đã vượt xa hệ thống bất công của giáo dục trước chiến tranh, nó xóa bỏ sự ngăn cách về giới tính, đặt ra giáo dục bắt buộc đối với trường phổ thông trung học. Những thay đổi này đến cùng với mong muốn mạnh mẽ được đào tạo liên tục của người dân Triều Tiên, và gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của các trường cao đẳng, đại học công và tư, góp phần tạo nên một nền giáo dục cao học cho số lượng kỷ lục những người tốt nghiệp. Mặc dù hàng rào về giới tính được phá bỏ và việc dạy học chung cho con trai và con gái đã bắt đầu thực hiện trong một số trường hợp sau phổ thông, sự hòa nhập của hai giới là không đầy đủ ngay từ đầu cuộc cải cách giáo dục sau chiến tranh. So với học sinh nam, học sinh nữ không được đào tạo lý thuyết, nên họ gặp khó khăn ngay lập tức khi chuyển sang hệ thống giáo dục chung và khó có thể cạnh tranh thành công với nam học sinh. Hơn nữa, sự chấp nhận hợp pháp địa vị bình đẳng về giới không tự thay đổi tâm thế xã hội đối với hai giới. Trong khi những đổi thay luật pháp đã nâng cao địa vị phụ nữ, so với nam giới, phụ nữ vẫn bị xem thấp hơn đáng kể về mặt xã hội.

Hệ thống giáo dục Triều Tiên, đặc biệt ở cấp cao đẳng, gần đây đang gặp phải những vấn đề nghiêm trọng. Những vấn đề này có nguyên nhân trong quá khứ lịch sử và liên quan tới một tập hợp các yếu tố xã hội, văn hóa phức tạp mà chỉ một số vấn đề sẽ được nêu ra ở đây. Nguồn gốc của các vấn đề đã nêu là bậc thang thành công trong xã hội đạt được nhờ bằng đại học với uy tín cao, hơn là đạt đến sự thành công trong các khóa học ở trường cao đẳng. Ví dụ, những ông chủ thường có xu hướng thuê những sinh viên tốt nghiệp ở các trường cao đẳng và đại học có uy tín. Tương tự, các trường đại học và các trường cao đẳng có khuynh hướng tuyển những sinh viên tốt nghiệp của riêng họ vào các khoa riêng, mặc dù thực tế này hiện nay đang giảm. Các khoa của trường nổi tiếng có uy tín và thuận lợi hơn, phương tiện nghiên cứu tốt hơn và những cơ hội đề xuất bản cũng lớn hơn. Những yếu tố trên tạo ra một thực tế công bằng trong việc làm và sự thăng tiến sau này giữa những sinh viên tốt nghiệp của cùng một trường.

Do động cơ thành công về vật chất, các sinh viên lao vào các cuộc cạnh tranh dữ dội để vào các trường đại học tốt. Vì chất lượng học tập tốt ở trường trung học làm tăng cơ hội vào trường đại học, nên cũng có cạnh tranh dữ dội để vào trường trung học tốt. Sự cạnh tranh giống như vậy cũng được nhắc lại ở các cấp thấp hơn kế tiếp. Hiện nay không có kỳ thi tuyển vào các trường. Thay vào đó, chính phủ yêu cầu các trường làm ngang bằng chất lượng học sinh của họ. Nhưng có quá nhiều trường tốt tập trung trong một khu vực mà mọi người đều muốn chuyển đến sinh sống tại đó.

Việc chuẩn bị cho kỳ thi vào trường cao đẳng đã ngốn một lượng thời gian quá mức và năng lực tinh thần

của thí sinh, cha mẹ và các thầy giáo của họ, tất cả phối hợp và cùng hoạt động để đạt được một mục đích. Hậu quả đáng tiếc là giáo dục không còn ý nghĩa nữa, ngoại trừ như một phương tiện thi đỗ vào trường. Những sinh viên thi đỗ đã mất đi nhiều động cơ và sự khuyến khích nghiên cứu sau đó ở trong trường.

Tình hình ngày càng xấu hơn, một khi đã vào được trường đại học, sinh viên được thực sự bảo đảm tốt nghiệp ngay cả khi không cần nghiên cứu. Do đó, nhiều sinh viên đi học để tích lũy danh vọng đòi hỏi, nhưng ít khi đốn lóp. Ngoài ra, nhiều trường tư thiếu ngân sách hoạt động cần thiết và vì mục đích lợi nhuận đã tăng số người thi tuyển vào vượt quá khả năng của họ. Hơn nữa, các khoa do quá bận rộn tham gia nghiên cứu và các hoạt động khác nên đã không dành đủ thời gian cho sinh viên. Sự phát triển nhanh chóng của các trường cao đẳng sau chiến tranh có sự tăng lên tương ứng trong các khóa đào tạo tốt đã dẫn đến đa số các giáo sư phải dạy 12-18 giờ một tuần cho trường của họ đối với tất cả các khóa học đòi hỏi. Việc trả lương nghèo nàn ở Triều Tiên đã khuyến khích họ nhận thêm các công việc phụ và tham gia viết những bài có lợi cho các báo công cộng và các tạp chí phổ thông. Những bài viết như vậy chủ yếu mang kiến thức học thuật đến công chúng, nên hầu hết có rất ít giá trị nghiên cứu (Kim, 1987). Nghiên cứu - một trách nhiệm giảng dạy nặng nề - và viết bài để kiếm tiền khiến các giáo sư có rất ít thời gian tiếp xúc với sinh viên và đổi mới các phương pháp giảng dạy. Thay vào đó các giáo sư có khuynh hướng đưa ra những bài giảng khô khan, đọc từ những cuốn sổ ghi chép đã ngả màu vàng, và do đó vô hình trung đẩy sinh viên ra ngoài lớp học hơn là thu hút họ vào nghiên cứu và học tập.

Những vấn đề chính trị do sự độc tài quân sự gây ra gần đây đưa đến những mục tiêu chủ yếu cho sự phản đối của sinh viên. Hàng ngày, sân trường đại học náo loạn do các cuộc đấu tranh phản đối chống chính phủ của sinh viên. Những sinh viên này nói chung với định hướng mácxít đã phê phán hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa của Triều Tiên và quan hệ hữu nghị của Triều Tiên với Mỹ. Họ đòi mỹ rút quân và chấm dứt hiệp ước an ninh với Mỹ.

Những vấn đề bên trong và bên ngoài trên đây đã bùng nổ trong vài năm qua. Các cuộc biểu tình bạo động đã trở thành căn bệnh phổ biến ở khắp Triều Tiên. Sinh viên cấp tiến đóng cửa các hoạt động của trường, những lối vào trường bị đặt những vật chướng ngại bằng bàn, ghế, và tổng giám hiệu trường trường đại học và các khoa, bắt họ phải chịu đựng những sự nhục nhã. Hậu quả là chưa bao giờ trong lịch sử Triều Tiên có quá nhiều hiệu trưởng trường đại học phải từ chức như vậy vì sức ép của sinh viên và sự bất lực của họ để giải quyết những vấn đề của trường, một vài người đã phải tự vẫn. Các sinh viên nhảy múa rỗng rần và đánh nhau với cảnh sát dẹp loạn cả ở trong trường lẫn trên đường phố. Sự lộn xộn của sinh viên được tiếp diễn ở Triều Tiên mãi đốn khi sự căng thẳng chính trị dịu bớt và những vấn đề bên trong của các trường đại học phần nào được giải quyết.

### **VIII. KẾT LUẬN**

Những thay đổi trong xã hội Triều Tiên truyền thống trước hết do các thế lực bên ngoài gây ra như những sức ép của phương Tây và sự chiếm đóng của Nhật Bản, lay động sự ổn định của hệ thống giai cấp cũ. Sau đó, những thay đổi sau chiến tranh là do các lực lượng bên trong gây ra như tư bản hóa và giáo dục đại học.

Triều Tiên trong giai đoạn hiện đại không nên xem như đồng nhất. Cũng như không nên giả định rằng quá trình hiện đại hóa là không hề thay đổi trong hàng 1 trăm năm qua. Những giả định này đã bỏ qua bản chất năng động của quá trình hiện đại hóa, thực tế đòi hỏi những chiến lược khác nhau thích hợp với những giai đoạn khác nhau. Đồng thời một số hệ thống giá

*(Xem tiếp trang 85)*